

CÂU HỎI ÔN TẬP KÈM TRA 1 TIẾT – KIỂM TRA HỌC KÌ 1
MÔN : GIÁO DỤC CÔNG DÂN- LỚP 11
NĂM HỌC 2016-2017

PHẦN I
CÂU HỎI TỰ LUẬN

- Câu 1: Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Trình bày vai trò của sản xuất của cải vật chất.
Câu 2: Hàng hoá là gì? Trình bày hai thuộc tính của hàng hoá.
Câu 3: Thị trường là gì? Các chức năng của thị trường.
Câu 4: Trình bày nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.
Câu 5: Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.
Câu 6: Thế nào là cung, cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá?
Câu 7: Quan hệ cung – cầu biểu hiện ở nội dung nào?
Câu 8: Trình bày khái niệm công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
Câu 9: Thành phần kinh tế là gì? Trình bày các thành phần kinh tế ở nước ta.
Câu 10: Trình bày tính tất yếu khách quan đi lên CNXH.

ĐÁP ÁN:

Câu 1: Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

- Vai trò của sản xuất của cải vật chất:
- + Sản xuất của cải vật chất là cơ sở tồn tại của xã hội.
- + Sản xuất của cải vật chất quyết định mọi hoạt động của xã hội.

Câu 2: Hàng hoá là sản phẩm của lao động có thể thoả mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán.

- Hai thuộc tính của hàng hoá: Giá trị sử dụng và giá trị hàng hoá.

Câu 3: Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

- Các chức năng của thị trường:
- + Chức năng thực hiện hay thừa nhận giá trị sử dụng và giá trị hàng hoá.
- + Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

Câu 4: Nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hoá:

- Nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất: Yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra từng hàng hoá phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra từng hàng hoá đó. Tổng thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra tổng hàng hoá phải phù hợp với tổng thời gian lao động xã hội cần thiết của tổng hàng hoá đó.
 - Nội dung của quy luật giá trị trong lưu thông: Giá cả hàng hoá bao giờ cũng vận động xoay quanh trục giá trị hàng hoá hay xoay quanh trục thời gian lao động xã hội cần thiết.
- Tổng giá cả hàng hoá sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hoá được tạo ra trong quá trình sản xuất.

Câu 5: Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hoá nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.

- Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh:
- + Do tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do trong sản xuất, kinh doanh.
- + Do điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

Câu 6: Cung là khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất nhất định.

- Cầu là khối lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định

tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

Câu 7: Quan hệ cung – cầu biểu hiện ở nội dung:

- Cung – cầu tác động lẫn nhau.
- Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường.
- Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu.

Câu 8: Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Câu 9: Thành phần kinh tế là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

- Các thành phần kinh tế ở nước ta:
 - + Kinh tế nhà nước.
 - + Kinh tế tập thể.
 - + Kinh tế tư nhân.
 - + Kinh tế tư bản nhà nước.
 - + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 10: Tính tất yếu khách quan đi lên CNXH:

- Chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội đất nước mới thực sự độc lập.
- Đi lên chủ nghĩa xã hội mới xoá bỏ được áp bức, bóc lột.
- Đi lên chủ nghĩa xã hội để có cuộc sống ấm no hạnh phúc. Mọi người có điều kiện phát triển toàn diện.

PHẦN II CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

BÀI 1

Câu 1 : Vì sao sức lao động giữ vai trò quan trọng nhất, quyết định nhất trong yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất?

- A. Vì sức lao động chỉ trình độ phát triển của con người.
- B. Vì sức lao động chỉ trình độ phát triển của xã hội.
- C. Vì sức lao động có tính sáng tạo.
- D. Vì sức lao động của mỗi người là không giống nhau.

Câu 2 : Phương án nào sau đây nêu đúng nhất sự khác biệt giữa sức lao động và lao động?

- A. Sức lao động là năng lực lao động, còn lao động là hoạt động cụ thể có mục đích, có ý thức của con người.
- B. Sức lao động là khả năng của lao động, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực.
- C. Sức lao động là cơ sở để phân biệt khả năng lao động của từng người cụ thể, còn những người lao động khác nhau đều phải làm việc như nhau.
- D. Sức lao động là năng lực lao động, còn lao động là hoạt động cụ thể.

Câu 3 : Sự tác động của con người vào tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình gọi là:

- A. Sản xuất của cải vật chất.
- B. Thỏa mãn nhu cầu.
- C. Quá trình sản xuất.
- D. Sản xuất kinh tế

Câu 4 : Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến sự tồn tại của xã hội?

- A. Cơ sở.
- B. Động lực.
- C. Đòn bẩy.
- D. Quan trọng.

- Câu 5 :** Sức lao động của con người được phân ra thành mấy loại:
 A. 4 B. 1
 C. 3 D. 2
- Câu 6 :** Đối với thợ may, đâu là đối tượng lao động?
 A. Áo, quần. B. Kim chỉ. C. Máy khâu. D. Vải.
- Câu 7 :** Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người được gọi là gì?
 A. Sản xuất của cải vật chất. B. Lao động.
 C. Tác động. D. Hoạt động.
- Câu 8 :** Trong tư liệu lao động thì loại nào quan trọng nhất?
 A. Hệ thống bình chứa . B. Kết cấu hạ tầng.
 C. Công cụ lao động. D. Tư liệu sản xuất.
- Câu 9 :** Hệ thống bình chứa của sản xuất thuộc yếu tố cơ bản nào của quá trình sản xuất?
 A. Đối tượng lao động của các ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là công nghiệp hóa chất.
 B. Đối tượng lao động đã trải qua tác động của lao động.
 C. Tư liệu lao động.
 D. Nguyên vật liệu nhân tạo.
- Câu 10 :** Toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào trong quá trình sản xuất được gọi là gì?
 A. Lao động. B. Sức lao động.
 C. Sản xuất của cải vật chất. D. Hoạt động.
- Câu 11 :** Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất là gì?
 A. Sức lao động, công cụ lao động, tư liệu lao động.
 B. Sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động.
 C. Sức lao động, đối tượng lao động, công cụ lao động.
 D. Sức lao động, tư liệu lao động, công cụ sản xuất.
- Câu 12 :** Để tồn tại và phát triển con người cần phải làm gì?
 A. Nghỉ ngơi. B. Ăn uống.
 C. Học. D. Lao động.
- Câu 13 :** Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến mọi hoạt động của xã hội?
 A. Quyết định. B. Cần thiết. C. Quan trọng. D. Trung tâm.
- Câu 14 :** Phát triển kinh tế có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?
 A. Tạo điều kiện cho mọi người có việc làm và thu nhập.
 B. Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.
 C. Thực hiện dân giàu, nước mạnh; xã hội công bằng, dân chủ, văn minh
 D. Cơ sở thực hiện và xây dựng hạnh phúc.
- Câu 15 :** Yếu tố nào sau đây quyết định mọi hoạt động của xã hội?
 A. Sản xuất của cải vật chất. B. Đời sống vật chất, tinh thần.
 C. Sự phát triển sản xuất. D. Sự phát triển xã hội.

BÀI 2

- Câu 1 :** Mục đích mà người sản xuất hàng hóa hướng đến là gì?
 A. Giá cả. B. Lợi nhuận.
 C. Công dụng của hàng hóa. D. Số lượng hàng hóa.
- Câu 2 :** Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua yếu tố nào?
 A. Giá trị trao đổi. B. Giá trị số lượng, chất lượng.
 C. Lao động xã hội của người sản xuất. D. Giá trị sử dụng của hàng hóa.
- Câu 3 :** Tháng 09 năm 2008 1 USD đổi được 16 700 VNĐ, điều này được gọi là gì?
 A. Tỷ giá trao đổi. B. Tỷ lệ trao đổi.
 C. Tỷ giá giao dịch. D. Tỷ giá hối đoái.

- Câu 4 : Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào quyết định?**
- A. Người sản xuất. B. Nhà nước.
C. Thị trường. D. Người làm dịch vụ.
- Câu 5 : Bác A trồng rau sạch để bán lấy tiền rồi dùng tiền đó mua gạo. Vậy tiền đó thực hiện chức năng gì?**
- A. Phương tiện giao dịch. B. Thước đo giá trị.
C. Phương tiện thanh toán. D. Phương tiện lưu thông.
- Câu 6 : Một vật phẩm để trở thành hàng hóa phải đủ mấy điều kiện?**
- A. 2. B. 5
C. 3 D. 4
- Câu 7 : Tại sao hàng hóa là một phạm trù lịch sử?**
- A. Vì hàng hóa ra đời là thước đo trình độ phát triển sản xuất và hoạt động thương mại của lịch sử loài người.
B. Vì hàng hóa xuất hiện rất sớm trong lịch sử phát triển loài người.
C. Vì hàng hóa chỉ ra đời và tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa.
D. Vì hàng hóa ra đời gắn liền với sự xuất hiện của con người trong lịch sử.
- Câu 8 : Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?**
- A. Thước đo thị trường. B. Thước đo giá trị.
C. Thước đo kinh tế. D. Thước đo giá cả.
- Câu 9 : Giá trị của hàng hóa là gì?**
- A. Lao động của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa.
B. Lao động xã hội của người sản xuất được kết tinh trong hàng hóa.
C. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa.
D. Lao động của người sản xuất hàng hóa.
- Câu 10 : Hàng hóa có những thuộc tính nào sau đây?**
- A. Giá trị, giá trị sử dụng. B. Giá trị, giá trị trao đổi.
C. Giá trị trao đổi, giá trị sử dụng. D. Giá trị sử dụng.
- Câu 11 : Hãy chỉ ra một trong những chức năng của tiền tệ?**
- A. Phương tiện thanh toán. B. Phương tiện giao dịch.
C. Phương tiện trao đổi. D. Phương tiện mua bán.
- Câu 12 : Mục đích mà người tiêu dùng hướng đến là gì?**
- A. Giá cả. B. Công dụng của hàng hóa.
C. Số lượng hàng hóa. D. Lợi nhuận.
- Câu 13 : Mối quan hệ nào sau đây là quan hệ giữa giá trị và giá trị trao đổi?**
- A. 1m vải = 5kg thóc.
B. 1m vải + 5kg thóc = 2 giờ.
C. 1m vải = 2 giờ.
D. 2m vải = 10kg thóc = 4 giờ.
- Câu 14 : Tại sao nói tiền tệ là hàng hóa đặc biệt?**
- A. Vì tiền tệ chỉ xuất hiện khi sản xuất hàng hóa đã phát triển.
B. Vì tiền tệ là hàng hóa nhưng không đi vào tiêu dùng thông qua trao đổi mua bán.
C. Vì tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hóa.
D. Vì tiền tệ ra đời là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của các hình thái giá trị.
- Câu 15 : Thị trường bao gồm những nhân tố cơ bản nào?**
- A. Hàng hóa, người mua, người bán. B. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.
C. Hàng hóa, tiền tệ, cửa hàng, chợ. D. Người mua, người bán, tiền tệ.

BÀI 3

- Câu 1 : Giá cả của hàng hóa trên thị trường biểu hiện như thế nào?**
- A. Luôn xoay quanh giá trị B. Luôn cao hơn giá trị
C. Luôn ăn khớp với giá trị D. Luôn thấp hơn giá trị

- Câu 2 :** Quy luật giá trị có bao nhiêu tác động đến sản xuất và lưu thông hàng hóa?
- A. 4 B. 2 C. 3 D. 5
- Câu 3 :** Bác A trồng rau ở khu vực ngoại thành Hà Nội. Bác mang rau vào khu vực nội thành để bán vì giá cả ở nội thành cao hơn. Vậy hành vi của bác A chịu tác động nào của quy luật giá trị?
- A. Điều tiết sản xuất. B. Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị.
C. Tự phát từ quy luật giá trị. D. Điều tiết trong lưu thông.
- Câu 4 :** Quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa là quy luật nào?
- A. Quy luật giá trị B. Quy luật cạnh tranh.
C. Quy luật kinh tế D. Quy luật cung cầu.
- Câu 5 :** Việc là chuyển từ sản xuất mũ vải sang sản xuất vành mũ bảo hiểm chịu tác động nào của quy luật giá trị?
- A. Tự phát từ quy luật giá trị. B. Điều tiết trong lưu thông.
C. Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị. D. Điều tiết sản xuất.
- Câu 6 :** Quy luật giá trị quy định người sản xuất và lưu thông hàng hóa trong quá trình sản xuất và lưu thông phải căn cứ vào đâu?
- A. Thời gian lao động xã hội cần thiết B. Thời gian lao động cá biệt
C. Thời gian hao phí để sản xuất ra hàng hóa D. Thời gian cần thiết
- Câu 7 :** Công dân cần vận dụng quy luật giá trị như thế nào?
- A. Tăng chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa, điều chỉnh, chuyển đổi cơ cấu sản xuất.
B. Giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa, điều chỉnh, chuyển đổi cơ cấu sản xuất.
C. Giảm chi phí sản xuất, giảm chất lượng hàng hóa, điều chỉnh, chuyển đổi cơ cấu sản xuất.
D. Tăng chi phí sản xuất, giảm chất lượng hàng hóa, điều chỉnh, chuyển đổi cơ cấu sản xuất.
- Câu 8 :** Tại sao quy luật giá trị lại kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên.
- A. Làm cho giá trị cá biệt phù hợp với giá trị xã hội của hàng hoá.
B. Làm cho giá trị cá biệt bằng giá trị xã hội của hàng hoá
C. Làm cho giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội của hàng hoá.
D. Làm cho giá trị cá biệt cao hơn giá trị xã hội của hàng hoá.
- Câu 9 :** Quy luật giá trị quy định trong sản xuất từng sản phẩm biểu hiện như thế nào?
- A. Giá cả = giá trị B. Thời gian lao động cá biệt phù hợp thời gian lao động xã hội
C. Giá cả < giá trị D. Thời gian lao động cá biệt > Thời gian lao động xã hội cần thiết
- Câu 10 :** Ông A có thể đổi một cái đồng hồ đeo tay lấy máy nghe nhạc. Theo em dựa trên nguyên tắc nào?
- A. Nguyên tắc cần thiết. B. Nguyên tắc hợp tác.
C. Nguyên tắc ngang giá. D. Nguyên tắc ngang bằng.
- Câu 11 :** Quy luật giá trị quy định trong lưu thông tổng sản phẩm biểu hiện như thế nào?
- A. Tổng giá cả > Tổng giá trị B. Tổng giá cả = Tổng giá trị
C. Tổng giá cả < Tổng giá trị D. Tổng giá cả ≠ Tổng giá trị
- Câu 12 :** Trong nền sản xuất hàng hoá điều kiện sản xuất của từng người như thế nào với nhau?
- A. Tương tự như nhau B. Phù hợp với nhau
C. Không hoàn toàn giống nhau D. Đều giống như nhau.
- Câu 13 :** Để may một cái áo A may hết 5 giờ. Thời gian lao động xã hội cần thiết để may cái áo là 4 giờ. Vậy A bán chiếc áo giá cả tương ứng với mấy giờ?
- A. 5 giờ. B. 3 giờ. C. 6 giờ. D. 4 giờ.
- Câu 14 :** Vì sao giá cả từng hàng hóa và giá trị từng hàng hóa trên thị trường không ăn khớp với nhau?
- A. Vì chịu tác động của quy luật giá trị
B. Vì chịu sự chi phối của người sản xuất
C. Vì chịu sự tác động của cung – cầu, cạnh tranh ...
D. Vì thời gian sản xuất của từng người trên thị trường không giống nhau

Câu 15 : Trên thị trường việc trao đổi hàng hoá phải dựa trên nguyên tắc nào?

- A. Nguyên tắc bình đẳng
- B. Nguyên tắc ngang giá
- C. Nguyên tắc cùng có lợi
- D. Nguyên tắc ngang bằng

BÀI 4

Câu 1 : Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá, hoạt động cạnh tranh có:

- A. Mặt tuyệt đối và tương đối.
- B. Mặt tích cực và mặt hạn chế.
- C. Độc lập trong sản xuất.
- D. Giành giật khách hàng.

Câu 2 : Để giành giật khách hàng và lợi nhuận nhiều hơn, một số người không trừ những thủ đoạn phi pháp bất lương. Là cạnh tranh:

- A. Cạnh tranh giữa người tiêu dùng.
- B. Cạnh tranh không lành mạnh.
- C. Cạnh tranh không lành mạnh.
- D. Cạnh tranh bình thường.

Câu 3 : Em đồng ý với việc làm nào sau đây?

- A. Chèn kéo, tranh giành khách hàng.
- B. Tự ý giảm giá.
- C. Nói xấu về các mặt hàng của người khác.
- D. Nộp thuế cho nhà nước đúng quy định.

Câu 4 : Cạnh tranh là gì?

- A. Là sự ganh đua, đấu tranh của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá.....
- B. Là sự giành giật, lấn chiếm của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá.....
- C. Là sự đấu tranh, giành giật của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá.....
- D. Là sự giành lấy điều kiện thuận lợi của các chủ thể kinh tế trong sản xuất và kinh doanh hàng hoá.....

Câu 5 : Mục đích cuối cùng của người sản xuất, kinh doanh là gì ?

- A. Giành ưu thế về khoa học công nghệ.
- B. Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực SX khác.
- C. Giành nhiều lợi nhuận nhất về mình.
- D. Giành hợp đồng kinh tế, các đơn đặt hàng.

Câu 6 : Em đồng ý với ý kiến nào sau đây?

- A. Cạnh tranh là hiện tượng kinh tế tồn tại chủ quan.
- B. Những tuyên truyền, giáo dục pháp luật là không cần thiết.
- C. Những mặt hạn chế của cạnh tranh là cơ bản.
- D. Những mặt tích cực của cạnh tranh là cơ bản.

Câu 7 : Khái niệm cạnh tranh xuất hiện từ khi nào?

- A. Khi sản xuất và lưu thông hàng hoá xuất hiện
- B. Khi xã hội loài người xuất hiện.
- C. Khi ngôn ngữ xuất hiện.
- D. Khi con người biết lao động.

Câu 8 : Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá cạnh tranh dùng để gọi tắt cho cụm từ nào sau đây:

- A. Cạnh tranh chính trị.
- B. Cạnh tranh kinh tế.
- C. Cạnh tranh văn hoá.
- D. Cạnh tranh sản xuất.

Câu 9 : Có bao nhiêu mục đích của cạnh tranh:

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 10 : Trong sản xuất và kinh doanh cạnh tranh để:

- A. Nhằm độc quyền trong sản xuất.
- B. Làm giàu cho mọi người.
- C. Tránh bất lợi trong sản xuất và kinh doanh.
- D. Giành điều kiện thuận lợi nhất về mình

Câu 11 : Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh là gì?

- A. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.
- B. Điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi đơn vị kinh tế là khác nhau.
- C. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu điều kiện sản xuất của mỗi đơn vị kinh tế là khác nhau.
- D. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, có điều kiện sản xuất và lợi ích giống nhau.

Câu 12 : Cạnh tranh giữ vai trò như thế nào trong sản xuất và lưu thông hàng hoá?

- A. Một đòn bẩy kinh tế.
- B. Nền tảng của sản xuất và lưu thông hàng hoá.

- C. Một động lực kinh tế. D. Cơ sở sản xuất và lưu thông hàng hoá.
- Câu 13 : Hành vi nào sau đây là hiện tượng của cạnh tranh?**
 A. Đấu tranh lẫn nhau. B. Nhường nhịn nhau.
 C. Ganh đua, đấu tranh. D. Bình đẳng cùng có lợi.
- Câu 14 : Em hiểu như thế nào về cạnh tranh lành mạnh.**
 A. Là hành vi vi phạm pháp luật. B. Là hành vi tự phát.
 C. Diễn ra theo đúng pháp luật. D. Đầu cơ tích trữ.
- Câu 15 : Cạnh tranh nào sau đây là cần thiết nhất?**
 A. Cạnh tranh trong học tập. B. Cạnh tranh kinh tế.
 C. Cạnh tranh trong đời sống. D. Cạnh tranh trong sáng tác nghệ thuật.

BÀI 5

- Câu 1 : Mối quan hệ giữa số lượng cầu với mức giá cả vận động theo:**
 A. Tỷ lệ thuận với nhau. B. Cầu tăng giá tăng.
 C. Tỷ lệ nghịch với nhau. D. Cầu và giá cả bằng nhau.
- Câu 2 : Nhà nước ta điều tiết như thế nào khi trên thị trường mối quan hệ cung – cầu bị rối loạn do đầu cơ tích trữ làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân :**
 A. Xử lý vi phạm pháp luật, sử dụng lượng dự trữ quốc gia để tăng cung.
 B. Xử lý vi phạm pháp luật giảm giá để tăng cung.
 C. Xử lý vi phạm pháp luật, sử dụng lượng dự trữ quốc gia để tăng cầu.
 D. Sử dụng lượng dự trữ quốc gia giảm giá để tăng cung.
- Câu 3 : Khi trên thị trường giá cả giảm thì xảy ra trường hợp nào sau đây?**
 A. Cung và cầu tăng. B. Cung giảm, cầu tăng.
 C. Cung và cầu giảm. D. Cung tăng, cầu giảm.
- Câu 4 : Khi trên thị trường cung lớn hơn cầu thì xảy ra trường hợp nào sau đây?**
 A. Giá cả tăng. B. Giá cả giảm.
 C. Giá cả giữ nguyên. D. Giá cả bằng giá trị.
- Câu 5 : Yếu tố nào ảnh hưởng đến cung mang tính tập trung nhất?**
 A. Giá cả. B. Nguồn lực. C. Năng suất lao động D. Chi phí sản xuất.
- Câu 6 : Nhà nước ta điều tiết như thế nào khi trên thị trường mối quan hệ cung – cầu bị rối loạn do đầu cơ tích trữ làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân :**
 A. Xử lý vi phạm pháp luật giảm giá để tăng cung.
 B. Xử lý vi phạm pháp luật, sử dụng lượng dự trữ quốc gia để tăng cầu.
 C. Sử dụng lượng dự trữ quốc gia giảm giá để tăng cung.
 D. Xử lý vi phạm pháp luật, sử dụng lượng dự trữ quốc gia để tăng cung.
- Câu 7 : Những yếu tố nào sau đây ảnh hưởng đến cầu?**
 A. Giá cả, thu nhập, thị hiếu, phong tục tập quán.
 B. Giá cả, thu nhập, khả năng sản xuất.
 C. Giá cả, thu nhập, tâm lý, thị hiếu, chi phí sản xuất.
 D. Thu nhập, tâm lý, phong tục tập quán.
- Câu 8 : Trường hợp nào sau đây được gọi là cầu?**
 A. Anh A mua xe máy thanh toán trả góp B. Chị C muốn mua ô tô nhưng chưa có tiền
 C. Ông D mua chịu một chiếc xe máy. D. Ông B mua xe đạp hết 1 triệu đồng.
- Câu 9 : Khi là người bán hàng trên thị trường, để có lợi, em chọn trường hợp nào sau đây:**
 A. Cung # cầu B. Cung > cầu. C. Cung < cầu. D. Cung = cầu.
- Câu 10 : Trên thực tế, sự vận động của cung, cầu diễn ra như thế nào ?**
 A. Cầu thường lớn hơn cung. B. Cung, cầu thường vận động không ăn khớp nhau.
 C. Cung, cầu thường cân bằng. D. Cung thường lớn hơn cầu.

BÀI 6

- Câu 1 : Vì sao CNH phải gắn liền với HDH?**
A. Vì phải nghiên cứu khoa học kỹ thuật. B. Vì phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu về văn hoá.
C. Vì phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu về kinh tế. D. Vì phải chạy đua theo các nước.
- Câu 2 : Thành tựu nổi bật của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất là gì?**
A. Điện B. Xe lửa C. Máy tính D. Máy hơi nước
- Câu 3 : Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ nhất ứng dụng vào lĩnh vực nào?**
A. Dịch vụ B. Kinh doanh C. Nông nghiệp D. Sản xuất
- Câu 4 : CNH, HDH có tác dụng:**
A. Tạo điều kiện để p. triển LLSX và tăng năng suất LĐ xã hội.
B. Tạo điều kiện để nước ta hội nhập k.tế quốc tế.
C. Nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế.
D. Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.
- Câu 5 : Thực hiện tốt nội dung công nghiệp hoá hiện đại hoá thì sẽ có:**
A. Không có ảnh hưởng. B. Tác động to lớn.
C. Bước đầu có ảnh hưởng. D. Tạm thời ổn định.
- Câu 6 : Mục đích của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá là:**
A. Năng suất lao động không cần thiết. B. Đạt năng suất lao động cao.
C. Năng suất lao động không quan trọng. D. Đạt năng suất lao động bình thường
- Câu 7 : Quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lí kinh tế xã hội là quá trình nào sau đây?**
A. Hiện đại hoá. B. Công nghiệp hoá.
C. Tự động hoá. D. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Câu 8 : Cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ nhất diễn ra vào thời gian nào?**
A. Thế kỷ XIX B. Thế kỷ VII C. Thế kỷ XVIII D. Thế kỷ XX
- Câu 9 : Trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần là vì:**
A. Nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu.
B. Để giải quyết việc làm cho người lao động.
C. Khai thác mọi tiềm năng sẵn có của đất nước.
D. Kinh tế NN và kinh tế tập thể còn yếu.
- Câu 10 : Nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu . Cho nên công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước là một nhiệm vụ:**
A. Không khó khăn nhiều. B. Việc làm bình thường.
C. Cần thiết, cấp bách. D. Không quan trọng.
- Câu 11 : Quá trình chuyển đổi căn bản các hoạt động sản xuất từ sử dụng sức lao động thủ công sang sử dụng sức lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí là quá trình nào sau đây?**
A. Công nghiệp hoá. B. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá.
C. Tự động hoá. D. Hiện đại hoá.
- Câu 12 : Đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng CNH – HDH gắn với phát triển yếu tố nào sau đây?**
A. Kinh tế nông nghiệp B. Kinh tế tri thức
C. Kinh tế thị trường D. Kinh tế hiện đại
- Câu 13 : Một trong những nội dung cơ bản của CNH, HDH ở nước ta là:**
A. Phát triển mạnh mẽ ngành công nghiệp cơ k B. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất..
C. Phát triển mạnh mẽ công nghệ thông tin. D. Phát triển mạnh mẽ khoa học kĩ thuật.
- Câu 14 : Cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai diễn ra vào thời gian nào?**
A. Thế kỷ VII B. Thế kỷ XIX C. Thế kỷ XVIII D. Thế kỷ XX
- Câu 15 : Cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ nhất ứng với quá trình nào sau đây?**
A. Hiện đại hoá B. Công nghiệp hoá
C. Tự động hoá D. Công nghiệp hoá - hiện đại hoá

BÀI 7

- Câu 1 : Lịch sử loài người được bắt đầu khi con người biết :**
- A. Chế tạo công cụ lao động.
 - B. Sử dụng cung tên và lửa.
 - C. Ăn chín uống sôi.
 - D. Làm nhà để ở.
- Câu 2 : Con người là chủ thể sáng tạo nên các giá trị :**
- A. Vật chất và tinh thần của xã hội.
 - B. Kinh tế của xã hội.
 - C. Văn hóa tinh thần của xã hội.
 - D. Vật chất to lớn của xã hội.
- Câu 3 : Thực tiễn là cơ sở, là động lực và là mục đích của:**
- A. Cuộc sống.
 - B. Nhận thức.
 - C. Con người.
 - D. Kết quả nhận thức.
- Câu 4 : Nhận thức cảm tính cung cấp cho nhận thức lí tính những:**
- A. Hình ảnh cảm tính.
 - B. Tài liệu cảm tính.
 - C. Tài liệu cụ thể.
 - D. Tài liệu đúng đắn.
- Câu 5 : Đối với con người, hoạt động sản xuất ra của cải vật chất là :**
- A. Đặc trưng.
 - B. Đặc biệt nhất.
 - C. Đặc trưng riêng.
 - D. Đặc thù nhất.
- Câu 6 : Để hoạt động học tập, lao động đạt hiệu quả cao đòi hỏi phải luôn:**
- A. Đọc thật nhiều sách vở.
 - B. Gắn học tập với vui chơi.
 - C. Phát huy kinh nghiệm của bản thân.
 - D. Gắn lý thuyết với thực hành.
- Câu 7 : Nhằm tạo ra của cải vật chất để nuôi sống xã hội, con người đã không ngừng**
- A. Phải tiến hóa.
 - B. Phải đấu tranh.
 - C. Phải lao động.
 - D. Tác động vào tự nhiên.
- Câu 8 : Thực tiễn là những hoạt động:**
- A. Vật chất nói chung.
 - B. Chân tay của con người.
 - C. Vật chất có mục đích.
 - D. Sản xuất vật chất.
- Câu 9 : Thực tiễn đã góp phần làm cho:**
- A. Con người hiểu biết hơn.
 - B. Con người thông minh hơn.
 - C. Nhận thức không ngừng phát triển.
 - D. Con người nhận thức đúng đắn hơn.
- Câu 10 : Nhờ biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động con người đã tự sáng tạo ra :**
- A. Lịch sử của mình.
 - B. Các sản phẩm.
 - C. Lịch sử.
 - D. Các thời đại.
- Câu 11 : Thông qua việc chế tạo ra công cụ lao động con người đã tự sáng tạo ra lịch sử xã hội và tự sáng tạo ra :**
- A. Các giá trị tinh thần.
 - B. Lịch sử của chính mình.
 - C. Các công trình vật chất.
 - D. Các giá trị vật chất.
- Câu 12 : Hoạt động sản xuất ra của cải vật chất của con người đảm bảo cho xã hội không ngừng :**
- A. Tồn tại và thông minh.
 - B. Phát triển hơn.
 - C. Đi lên và phát triển.
 - D. Tồn tại và phát triển.
- Câu 13 : Đối với nhận thức, thực tiễn có vai trò là:**
- A. Nguồn lực.
 - B. Động cơ.
 - C. Nguyên nhân.
 - D. Động lực.
- Câu 14 : Con người là chủ thể của lịch sử cho nên sự phát triển của xã hội phải :**
- A. Vì con người.
 - B. Do con người.
 - C. Thuộc về con người.
 - D. Của con người.
- Câu 15 : Nhận thức cảm tính giúp con người nhận thức sự vật, hiện tượng một cách:**
- A. Cụ thể và máy móc.
 - B. Cụ thể và sinh động.
 - C. Chủ quan, máy móc.
 - D. Khái quát và trừu tượng.

BÀI 8

- Câu 1 :** Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam hiện nay biểu hiện như thế nào?
- A. Tất cả đều đã hình thành. B. Tất cả đều chưa hình thành.
C. Có những đặc trưng đã và đang hình thành. D. Không thể đạt đến đặc trưng đó.
- Câu 2 :** Thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam giai cấp nào giữ vai trò hạt nhân đoàn kết các giai cấp và tầng lớp khác trong xã hội?
- A. Địa chủ B. Tư sản C. Nông dân D. Công nhân
- Câu 3 :** Quá độ lên CNXH ở Việt Nam bỏ qua chế độ TBCN được hiểu như thế nào?
- A. Bỏ qua toàn bộ sự phát triển trong giai đoạn phát triển TBCN.
B. Bỏ qua việc xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất TBCN.
C. Bỏ qua việc sử dụng thành quả khoa học kĩ thuật.
D. Bỏ qua phương thức quản lí.
- Câu 4 :** Nguyên tắc phân phối trong giai đoạn sau của xã hội cộng sản chủ nghĩa là gì?
- A. Làm theo năng lực hưởng theo lao động. B. Tùy theo khả năng để đáp ứng nhu cầu.
C. Làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu. D. Làm hết mình hưởng hết nhu cầu.
- Câu 5 :** Giai đoạn đầu của xã hội CSCN được gọi là gì?
- A. Xã hội chủ nghĩa B. Chủ nghĩa xã hội
C. Xã hội của dân D. Xã hội dân chủ
- Câu 6 :** Sự thay đổi của các hình thái kinh tế xã hội theo chiều hướng nào?
- A. Từ thấp đến cao. B. Từ cao đến thấp
C. Thay đổi về trình độ phát triển. D. Thay đổi về mặt xã hội.
- Câu 7 :** Trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội nước ta cần phải làm gì?
- A. Từng bước cải tạo các yếu tố của xã hội cũ. B. Giữ nguyên những yếu tố của xã hội cũ.
C. Xóa bỏ ngay những yếu tố của xã hội cũ. D. Để cho các yếu tố xã hội tự điều chỉnh.
- Câu 8 :** Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua bao nhiêu hình thái kinh tế xã hội?
- A. 7 B. 4 C. 6 D. 5
- Câu 9 :** Quá độ lên chủ nghĩa xã hội có bao nhiêu hình thức?
- A. 5 B. 2 C. 4 D. 3
- Câu 10 :** Hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam là gì?
- A. Theo quy luật khách quan. B. Quá độ gián tiếp.
C. Thông qua một giai đoạn trung gian. D. Quá độ trực tiếp.
- Câu 11 :** Nguyên tắc phân phối trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa là gì?
- A. Làm hết mình hưởng hết nhu cầu. B. Làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu.
C. Làm theo năng lực hưởng theo lao động. D. Tùy theo khả năng để đáp ứng nhu cầu.
- Câu 12 :** Đặc điểm trên lĩnh vực xã hội thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam là gì?
- A. Tồn tại giai cấp công nhân và nông dân
B. Tồn tại giai cấp công nhân và tầng lớp trí thức
C. Tồn tại giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức
D. Tồn tại nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau
- Câu 13 :** Nguyên nhân nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội là do đâu?
- A. Là một yếu tố khách quan. B. Xuất phát từ ý định chủ quan của con người.
C. Do tình hình thế giới tác động. D. Do mơ ước của toàn dân.
- Câu 14 :** Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi từ chế độ xã hội này bằng chế độ xã hội khác là gì?
- A. Kinh tế B. Chính trị C. Văn hóa D. Tư tưởng
- Câu 15 :** Đặc trưng trên lĩnh vực văn hóa ở xã hội XHCN mà nhân dân ta đang xây dựng là gì?
- A. Nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. B. Nền văn hóa tiên bộ
C. Nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc D. Nền văn hóa kế thừa những truyền thống dân tộc

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
MÔN : GIÁO DỤC CÔNG DÂN 11

Câu	Bài 1	Bài 2	Bài 3	Bài 4	Bài 5	Bài 6	Bài 7	Bài 8
01	C	B		B	C	C	A	C
02	B	A		B	A	D	A	D
03	A	D		D	B	D	B	B
04	A	C		A	B	A	C	C
05	D	D		C	A	B	C	B
06	D	C		D	D	B	D	A
07	B	C		A	A	A	B	A
08	C	B		B	D	C	C	D
09	C	A		A	C	C	C	B
10	B	A		D	B	C	A	B
11	B	A		A		A	B	C
12	D	B		C		B	D	D
13	A	D		C		B	D	A
14	C	C		C		D	A	A
15	A	B		B		A	B	C